BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 155/2011/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2011*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về thuế đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" từ lô 09-1 theo quy định tại Hiệp định 2010

Căn cứ Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga ký ngày 27/12/2010 về việc tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại thềm lục địa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong khuôn khổ Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" (sau đây gọi chung là Hiệp định 2010);

Căn cứ Luật Dầu khí năm 1993 được Quốc hội thông qua ngày 06/7/1993; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí được Quốc hội thông qua ngày 09/6/2000; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí số 10/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước Quốc tế số 41/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật Thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước (dưới đây gọi chung là thuế) đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" từ lô 09-1 theo quy định tại Hiệp định 2010 như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các loại thuế áp dụng đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" từ lô 09-1 theo quy định tại Hiệp định 2010 gồm:

- Thuế tài nguyên;
- Thuế xuất khẩu;
- Thuế đặc biệt;
- Thuế giá trị gia tăng;
- Phụ thu khi giá dầu thô biến động tăng;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Các loại thuế, phí, lệ phí khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với sản phẩm hàng hóa là dầu thô do Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" khai thác và giữ được từ lô 09-1 đã xuất bán (kể cả trao đổi), không bao gồm sản phẩm phi hàng hóa và hao phí công nghệ sản phẩm.

"Sản phẩm phi hàng hóa" theo quy định tại Hiệp định 2010 là dầu thô cần thiết để đảm bảo việc khai thác, xử lý, bảo quản và vận chuyển dầu thô đến điểm giao.

"Hao phí công nghệ sản phẩm" theo quy định tại Hiệp định 2010 là những hao phí dầu thô liên quan đến việc khai thác và xử lý, bảo quản và vận chuyển dầu thô đến điểm giao.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" ngoài hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí từ lô 09-1. Trong trường hợp này, Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

Điều 3. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế là Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" (sau đây gọi chung là VIETSOVPETRO).

2. Trường hợp VIETSOVPETRO ủy quyền theo quy định của pháp luật cho tổ chức Việt Nam thực hiện khai, nộp thuế thay thì tổ chức được ủy quyền đó là người nộp thuế thay.

Điều 4. Đồng tiền nộp thuế

1. VIETSOVPETRO thực hiện xác định số thuế phải nộp và quyết toán thuế bằng đô la Mỹ.

2. Đồng tiền nộp các loại thuế hướng dẫn tại Thông tư này là đô la Mỹ.

Trường hợp VIETSOVPETRO nộp thuế bằng đồng Việt Nam theo quy định của Chính phủ thì tỷ giá áp dụng khi quy đổi từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam để nộp thuế là tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nộp thuế.

Trường hợp dầu thô được bán tại thị trường Việt Nam, giá bán được xác định trên cơ sở đô la Mỹ thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam. Tỷ giá quy đổi ra đồng Việt Nam để xác định doanh thu tính thuế và nộp các loại thuế là tỷ giá giao

dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xuất hóa đơn.

Điều 5. Nguyên tắc xác định giá tính thuế

1. Giá tính thuế theo quy định tại Thông tư này là giá bán dầu thô được xác định theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng.

"Hợp đồng giao dịch sòng phẳng" là hợp đồng giao dịch giữa người mua và người bán trong quan hệ thị trường, không bao gồm các hợp đồng mua bán giữa nội bộ của một công ty, giữa các công ty có quan hệ liên kết, giữa các Chính phủ, giữa các tổ chức thuộc Chính phủ, hoặc bất cứ giao dịch, trao đổi nào bị ảnh hưởng bởi những quan hệ thương mại không bình thường.

2. Trường hợp dầu thô được bán không theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng, cơ quan quản lý thuế (cơ quan thuế và cơ quan hải quan) sẽ xác định giá tính thuế theo nguyên tắc sau:

Giá tính thuế là giá bán trung bình cộng của dầu thô cùng loại trên thị trường quốc tế của 3 tuần liên tục: tuần trước, tuần bán và tuần tiếp theo tuần bán dầu thô. Người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan thuế các thông tin về thành phần, chất lượng của dầu thô đang khai thác. Khi cần thiết, cơ quan quản lý thuế tham khảo giá bán trên thị trường Mỹ (WTI), thị trường Anh (Brent) hay thị trường Singapore (Platt's) hoặc tham khảo ý kiến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định giá dầu thô đang khai thác của người nộp thuế.

Chương II
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ

Mục 1
THUẾ TÀI NGUYÊN

Điều 6. Đối tượng chịu thuế tài nguyên

1. Toàn bộ sản lượng dầu thô khai thác và giữ được từ lô 09-1, được đo tại điểm thu gom, kiểm kê, phân phối và giao sản phẩm hàng hóa, đã xuất bán là đối tượng chịu thuế tài nguyên.

"Điểm thu gom, kiểm kê, phân phối và giao sản phẩm hàng hóa" theo quy định tại Hiệp định 2010 là địa điểm được trang bị các bể chứa cần thiết để bảo quản sản phẩm hàng hóa, các thiết bị công nghệ và đường ống dẫn, dụng cụ kiểm tra - đo lường (đầu mối kiểm kê) ở ngoài biển hoặc trên bờ mà từ đó đưa sản phẩm hàng hóa đi bán (sau đây gọi chung là điểm giao nhận).

2. Đối với khoản khí đồng hành thu được trong quá trình khai thác dầu thô, VIETSOVPETRO không sử dụng cho nhu cầu công nghệ, được chuyển giao miễn phí cho Chính phủ Việt Nam sử dụng thì VIETSOVPETRO không phải nộp thuế tài nguyên đối với khoản khí đồng hành này.

3. Trường hợp trong quá trình khai thác dầu thô, VIETSOVPETRO được phép khai thác tài nguyên khác, thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên thì thực hiện nộp thuế tài nguyên theo qui định của pháp luật về thuế tài nguyên hiện hành.

Điều 7. Kỳ tính thuế tài nguyên

Kỳ tính thuế tài nguyên là năm dương lịch. Kỳ tính thuế tài nguyên đầu tiên bắt đầu từ ngày khai thác dầu thô đầu tiên cho đến ngày kết thúc năm dương lịch đầu tiên. Kỳ tính thuế tài nguyên cuối cùng bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm dương lịch cuối cùng đến ngày kết thúc khai thác dầu thô.

Điều 8. Khai, nộp thuế tài nguyên

1. Thuế tài nguyên được nộp bằng dầu thô; bằng tiền; hoặc một phần bằng tiền và một phần bằng dầu thô.

Trường hợp thuế tài nguyên được nộp bằng dầu thô, cơ quan thuế sẽ thông báo cho người nộp thuế bằng văn bản trước 6 tháng và hướng dẫn cụ thể về khai, nộp thuế tài nguyên bằng dầu thô.

2. Khai, nộp thuế tài nguyên tạm tính:

Thuế tài nguyên tạm tính được khai, nộp theo từng lần xuất bán.

2.1. Xác định số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp:

Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp	=	Sản lượng dầu thô xuất bán	x	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	x	Tỷ lệ thuế tài nguyên

Trong đó:

- Sản lượng dầu thô xuất bán là sản lượng dầu thô chịu thuế tài nguyên theo từng lần xuất bán.

- Giá tính thuế tài nguyên tạm tính là giá bán dầu thô tại điểm giao nhận của từng lần xuất bán dầu thô theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp dầu thô được bán không theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng thì giá tính thuế tài nguyên được xác định như hướng dẫn tại Điều 5, Chương I Thông tư này.

- Tỷ lệ thuế tài nguyên theo quy định tại Hiệp định 2010 là 18%.

Ví dụ 1: Xác định số thuế tài nguyên tạm tính:

Giả sử VIETSOVPETRO xuất bán một lô dầu thô với sản lượng là: 500.000 thùng, giá bán là 75 USD/thùng.

Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp	=	500.000 thùng	x	75 USD/thùng	x	18%
	=	6.750.000 USD				

2.2. Khai, nộp thuế tài nguyên tạm tính:

a) Hồ sơ khai thuế tài nguyên tạm tính là Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu thô theo mẫu số 01/TAIN-VSP ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên tạm tính:

Chậm nhất là ngày thứ 35 kể từ ngày xuất bán dầu thô. Ngày xuất bán dầu thô là ngày hoàn thành việc xuất dầu thô tại điểm giao nhận (đối với dầu thô bán tại thị trường Việt Nam) hoặc ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (đối với dầu thô xuất khẩu). Trường hợp ngày thứ 35 là ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày tết (sau đây gọi chung là ngày nghỉ) thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên tạm tính là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó;

c) Thời hạn nộp thuế tài nguyên tạm tính: chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên tạm tính.

Điều 9. Quyết toán thuế tài nguyên

1. Xác định thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế:

1.1. Xác định thuế tài nguyên bằng dầu thô phải nộp:

Thuế tài nguyên bằng dầu thô phải nộp trong kỳ tính thuế	=	Sản lượng dầu thô chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	x	Tỷ lệ thuế tài nguyên

Trong đó:

- Sản lượng dầu thô chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế là toàn bộ sản lượng dầu thô chịu thuế tài nguyên khai thác và xuất bán trong kỳ tính thuế.

- Tỷ lệ thuế tài nguyên theo quy định tại Hiệp định 2010 là 18%.

1.2. Xác định số tiền thuế tài nguyên phải nộp:

Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế	=	Thuế tài nguyên bằng dầu thô phải nộp trong kỳ tính thuế	x	Giá tính thuế tài nguyên đối với dầu thô trong kỳ tính thuế

Trong đó:

- Thuế tài nguyên bằng dầu thô phải nộp trong kỳ tính thuế được xác định như hướng dẫn tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều này.

- Giá tính thuế tài nguyên đối với dầu thô trong kỳ tính thuế: là giá bình quân gia quyền của sản lượng dầu thô chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế được bán tại điểm giao nhận theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng trong kỳ tính thuế, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp dầu thô được bán không theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng, giá tính thuế được xác định theo hướng dẫn tại Điều 5, Chương I Thông tư này.

Ví dụ 2: Xác định giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế.

Giả sử sản lượng dầu thô được bán trong kỳ tính thuế là 1.400.000 thùng được bán thành 3 lô: lô 1 có sản lượng là 500.000 thùng, giá bán 65 USD/thùng; lô 2 có sản lượng là 600.000 thùng, giá bán 68 USD/thùng; lô 3 có sản lượng là 300.000 thùng, giá bán 70 USD/thùng.

$$\text{Giá tính thuế tài nguyên đối với dầu thô trong kỳ tính thuế} = \frac{(500.000 \times 65) + (600.000 \times 68) + (300.000 \times 70)}{1.400.000} = 67{,}36 \text{ USD/thùng}$$

2. Khai, nộp thuế theo hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên:

2.1. Hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên gồm:

- Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu thô theo mẫu số 02/TAIN-VSP ban hành kèm theo Thông tư này.

- Bảng kê sản lượng và doanh thu xuất bán dầu thô theo mẫu số 02-1/TAIN-VSP ban hành kèm theo Thông tư này.

2.2. Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên:

- Chậm nhất là ngày thứ 90, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

- Chậm nhất là ngày thứ 45, kể từ ngày kết thúc Hiệp định 2010 (trong trường hợp ngày kết thúc Hiệp định khác với ngày kết thúc năm dương lịch).

Trường hợp ngày thứ 90 hoặc ngày thứ 45 là ngày nghỉ thì thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.

2.3. Thời hạn nộp thuế tài nguyên theo hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên: chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên.

Mục 2
THUẾ XUẤT KHẨU

Điều 10. Đối tượng chịu thuế xuất khẩu

Toàn bộ sản lượng dầu thô của VIETSOVPETRO, kể cả phần dầu lãi của các phía tham gia, sau khi trừ đi sản lượng dầu thô nộp thuế tài nguyên, khi xuất khẩu thuộc diện chịu thuế xuất khẩu.

Điều 11. Xác định số thuế xuất khẩu phải nộp

Xác định số thuế xuất khẩu:

$$\text{Số thuế xuất khẩu phải nộp} = \text{Sản lượng dầu thô xuất khẩu} \times \text{Giá tính thuế xuất khẩu} \times \text{Tỷ lệ thuế xuất khẩu}$$

Trong đó:

- Sản lượng dầu thô xuất khẩu là sản lượng dầu thô thực tế xuất khẩu theo từng lần xuất bán.

- Giá tính thuế xuất khẩu là giá bán dầu thô tại điểm giao nhận của từng lần xuất bán dầu thô theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng (giá FOB). Trường hợp dầu thô được bán không theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng thì giá tính thuế xuất khẩu được xác định như hướng dẫn tại Điều 5, Chương I Thông tư này.

- Tỷ lệ thuế xuất khẩu được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ thuế xuất khẩu} = \left| 100\% - \text{Tỷ lệ thuế tài nguyên} \right| \times \text{Thuế suất thuế xuất khẩu đối với dầu thô}$$

Trong đó:

- Tỷ lệ thuế tài nguyên theo quy định tại Hiệp định 2010 là 18%.

- Thuế suất thuế xuất khẩu dầu thô theo quy định tại Hiệp định 2010 là 10%.

Ví dụ 3: Xác định tỷ lệ thuế xuất khẩu đối với dầu thô:

$$\text{Tỷ lệ thuế xuất khẩu đối với dầu thô} = (100\% - 18\%) \times 10\% = 8{,}2\%$$

Điều 12. Khai, nộp thuế xuất khẩu

Thủ tục khai, nộp thuế xuất khẩu đối với dầu thô xuất khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và pháp luật về quản lý thuế.

Riêng thời hạn nộp thuế xuất khẩu đối với dầu thô: chậm nhất là ngày thứ 35 kể từ ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan. Trường hợp ngày thứ 35 là ngày nghỉ thì thời hạn nộp thuế xuất khẩu là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.

Mục 3
THUẾ ĐẶC BIỆT

Điều 13. Đối tượng chịu thuế đặc biệt

Toàn bộ sản lượng dầu thô của VIETSOVPETRO, kể cả phần dầu lãi của các phía tham gia, sau khi trừ đi sản lượng dầu thô nộp thuế tài nguyên, khi tiêu thụ tại thị trường Việt Nam thuộc diện chịu thuế đặc biệt.

Điều 14. Xác định số thuế đặc biệt phải nộp

Xác định số thuế đặc biệt phải nộp:

$$\text{Số thuế đặc biệt phải nộp} = \text{Sản lượng dầu thô tiêu thụ tại thị trường Việt Nam} \times \text{Giá tính thuế đặc biệt} \times \text{Tỷ lệ thuế đặc biệt}$$

Trong đó:

- Sản lượng dầu thô tiêu thụ tại thị trường Việt Nam là sản lượng dầu thô thực tế xuất bán tại thị trường Việt Nam theo từng lần xuất bán.

- Giá tính thuế đặc biệt là giá bán dầu thô tại điểm giao nhận của từng lần xuất bán dầu thô theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp dầu thô được bán không theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng thì giá tính thuế đặc biệt được xác định như hướng dẫn tại Điều 5, Chương I Thông tư này.

- Tỷ lệ thuế đặc biệt được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ thuế đặc biệt} = \left| 100\% - \text{Tỷ lệ thuế tài nguyên} \right| \times \text{Thuế suất thuế đặc biệt}$$

Trong đó:

- Tỷ lệ thuế tài nguyên theo quy định tại Hiệp định 2010 là 18%.

- Thuế suất thuế đặc biệt theo quy định tại Hiệp định 2010 là 10%.

Ví dụ 4: Xác định tỷ lệ thuế đặc biệt đối với dầu thô:

$$\text{Tỷ lệ thuế đặc biệt đối với dầu thô} = (100\% - 18\%) \times 10\% = 8{,}2\%$$

Điều 15. Khai, nộp thuế đặc biệt

Thuế đặc biệt được khai và nộp theo từng lần xuất bán.

1. Hồ sơ khai thuế đặc biệt là Tờ khai thuế đặc biệt theo mẫu số 01/ĐB-VSP ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đặc biệt: chậm nhất là ngày thứ 35 kể từ ngày hoàn thành việc xuất dầu thô tại điểm giao nhận. Trường hợp ngày thứ 35 là ngày nghỉ thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đặc biệt là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.

3. Thời hạn nộp thuế đặc biệt: chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đặc biệt.

Mục 4
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Điều 16. Thuế giá trị gia tăng đối với dầu thô tiêu thụ tại thị trường Việt Nam

VIETSOVPETRO không phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với dầu thô tiêu thụ tại thị trường Việt Nam.

Mục 5
PHỤ THU KHI GIÁ DẦU THÔ BIẾN ĐỘNG TĂNG

Điều 17. Đối tượng chịu phụ thu

Khi giá bán dầu thô tăng trên 20% so với giá dầu thô cơ sở là 75 USD/thùng thì toàn bộ phần dầu lãi của VIETSOVPETRO thuộc diện chịu phụ thu theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 18. Khai, nộp phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán

Số phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán được khai và nộp theo từng lần xuất bán nếu giá bán dầu thô tăng trên 20% so với giá dầu thô cơ sở là 75 USD/thùng.

1. Xác định số phụ thu tạm tính phải nộp:

- Trường hợp giá bán dầu thô thực tế của lần xuất bán tăng cao hơn giá cơ sở tương ứng trên 20% đến 50%:

Số phụ thu tạm tính phải nộp theo từng lần xuất bán dầu thô	= 50% x	Giá bán dầu thô theo từng lần xuất bán	- 1,2 x	Giá dầu thô cơ sở	x	Sản lượng dầu lãi tạm tính theo từng lần xuất bán

- Trường hợp giá bán dầu thô thực tế của lần xuất bán tăng cao hơn giá cơ sở tương ứng trên 50%, số phụ thu tạm tính được xác định = (i) + (ii), cụ thể như sau:

(i) Số phụ thu tạm tính phải nộp theo từng lần xuất bán dầu thô tương ứng với phần giá dầu tăng cao hơn giá cơ sở trên 20% đến 50%	= 50% x	Giá bán dầu thô theo từng lần xuất bán tối đa đến 150% giá dầu cơ sở	- 1,2 x	Giá dầu thô cơ sở	x	Sản lượng dầu lãi tạm tính theo từng lần xuất bán

và

(ii) Số phụ thu tạm tính phải nộp theo từng lần xuất bán tương ứng với phần giá dầu cao hơn giá cơ sở trên 50%	= 60% x	Giá bán dầu thô theo từng lần xuất bán	- 1,5 x	Giá dầu thô cơ sở	x	Sản lượng dầu lãi tạm tính theo từng lần xuất bán

Trong đó:

- Giá bán dầu thô theo từng lần xuất bán là giá bán dầu thô tại điểm giao nhận của từng lần xuất bán dầu thô theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng, không bao gồm thuế giá

trị gia tăng. Trường hợp dầu thô được bán không theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng thì giá bán dầu thô theo từng lần xuất bán được xác định như hướng dẫn tại Điều 5, Chương I Thông tư này.

- Giá dầu thô cơ sở theo quy định tại Hiệp định 2010 là 75 USD/thùng.

- Sản lượng dầu lãi tạm tính theo từng lần xuất bán là phần dầu thô còn lại sau khi trừ đi phần dầu thô dùng để nộp thuế tài nguyên và trừ phần dầu thô để lại cho hoạt động dầu khí tại lô 09-1 (theo kế hoạch được Hội đồng Liên doanh duyệt hàng năm, không vượt quá 35%).

Ví dụ 5: Xác định số phụ thu phải nộp khi giá dầu thô biến động tăng theo từng lô dầu thô xuất bán:

Giả sử sản lượng xuất bán dầu thô lần thứ nhất vào ngày 01/01/2011 của VIETSOVPETRO là 400.000 thùng, giá bán là 115 USD/thùng, tỷ lệ thuế tài nguyên là 18%, tỷ lệ dầu thô để lại được Hội đồng Liên doanh duyệt là 34%.

- Giá bán 115 USD/thùng so với giá cơ sở 75 USD/thùng bằng 153%.

- Sản lượng dầu lãi tạm tính = 400.000 - 400.000 x 18% - 400.000 x 34%

= 192.000 thùng

- Số phụ thu tạm tính được xác định như sau:

(i) Số phụ thu tạm tính tương ứng với phần giá dầu tăng cao hơn giá cơ sở trên 20% đến 50% = 50% x (1,5 x 75 - 1,2 x 75) x 192.000

= 2.160.000 USD

và

(ii) Số phụ thu tạm tính tương ứng với phần giá dầu cao hơn giá cơ sở trên 50% = 60% x (115 - 1,5 x 75) x 192.000

= 288.000 USD

Tổng số phụ thu tạm tính phải nộp của lần xuất bán dầu thô thứ nhất vào ngày 01/01/2011 = (i) + (ii) = 2.448.000 USD.

2. Khai, nộp phụ thu tạm tính:

2.1. Hồ sơ khai phụ thu tạm tính là Tờ khai phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán theo mẫu số 01/PTHU-VSP ban hành kèm theo Thông tư này.

2.2. Thời hạn nộp hồ sơ khai phụ thu tạm tính:

Chậm nhất là ngày thứ 35 kể từ ngày xuất bán dầu thô. Ngày xuất bán dầu thô là ngày hoàn thành việc xuất dầu thô tại điểm giao nhận (đối với dầu thô bán tại thị trường Việt Nam) hoặc ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp

luật về hải quan (đối với dầu thô xuất khẩu). Trường hợp ngày thứ 35 là ngày nghỉ thì thời hạn nộp hồ sơ khai phụ thu tạm tính là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.

2.3. Thời hạn nộp phụ thu tạm tính: chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai phụ thu tạm tính.

Điều 19. Khai, nộp phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ chi phí kết dư của phần dầu để lại

Dầu lãi từ chi phí kết dư của phần dầu để lại gồm dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô và dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết.

1. Xác định phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô:

1.1. Xác định sản lượng dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô:

Sản lượng dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý được xác định như sau:

$$\text{Sản lượng dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý} = \frac{\text{Số tiền chênh lệch giá bán dầu thô của quý tương ứng}}{\text{Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong quý tương ứng}}$$

Trong đó:

- Số tiền chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý là tổng số tiền chênh lệch phát sinh hàng quý giữa giá bán thực tế so với giá bán kế hoạch đối với sản lượng dầu để lại cho VIETSOVPETRO sử dụng theo quy định tại Điều 9 Hiệp định 2010, được xác định theo hướng dẫn tại Điểm 1.1 và 1.3, Khoản 1, Điều 24 Thông tư này.

- Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong quý bằng doanh thu xuất bán dầu thô của quý tương ứng chia cho sản lượng dầu thô xuất bán trong quý tương ứng.

1.2. Xác định phụ thu tạm tính phải nộp đối với dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô:

a) Trên cơ sở sản lượng dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý, giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong quý tương ứng, VIETSOVPETRO xác định số phụ thu đối với dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý theo nguyên tắc hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 18 Thông tư này;

b) Số phụ thu tạm tính phải nộp đối với dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý bằng (=) số phụ thu đối với dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý xác định theo hướng dẫn tại Điểm 1.2. a, Điều này nhân (x) 80%.

Ví dụ 6: Giả sử quý I năm 2011, VIETSOVPETRO xác định số tiền chênh lệch giá bán dầu thô là 50.000.000 USD, giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong quý I là 100 USD/thùng.

$$\text{Sản lượng dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô quý I} = \frac{50.000.000}{100} = 500.000 \text{ thùng}$$

Theo nguyên tắc hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 18 Thông tư này thì:

$$\text{Số phụ thu phải nộp quý I} = 50\% \times \left| \text{Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong quý I} - 1{,}2 \times 75 \right| \times \text{Sản lượng dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô quý I}$$

$$= 50\% \times (100 - 1{,}2 \times 75) \times 500.000 = 2.500.000 \text{ USD}$$

$$\text{Số phụ thu tạm tính phải nộp quý I} = 2.500.000 \text{ USD} \times 80\% = 2.000.000 \text{ USD}$$

2. Xác định phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết:

2.1. Xác định sản lượng dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết:

$$\text{Sản lượng dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết} = \frac{\text{Số tiền chi phí sử dụng không hết}}{\text{Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong kỳ kết dư chi phí}}$$

Trong đó:

- Số tiền chi phí sử dụng không hết là khoản chênh lệch giữa giá trị sản lượng dầu thô để lại cho VIETSOVPETRO sử dụng theo quy định tại Điều 9 Hiệp định 2010 trên cơ sở giá bán dầu thô kế hoạch (chi phí kế hoạch) và chi phí thực tế phát sinh trong kỳ kết dư phục vụ hoạt động dầu khí lô 09-1 do Hội đồng Liên doanh quyết nghị tại Văn kiện từng kỳ họp Hội đồng Liên doanh và chi phí sử dụng không hết (nếu có) theo biên bản thanh tra VIETSOVPETRO hàng năm của Ban Thanh tra.

- Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong kỳ kết dư chi phí bằng (=) tổng doanh thu xuất bán dầu thô trong kỳ kết dư chi phí chia (:) tổng sản lượng dầu thô xuất bán trong kỳ kết dư chi phí.

Kỳ kết dư chi phí là khoảng thời gian VIETSOVPETRO xác định khoản chi phí sử dụng không hết để báo cáo Hội đồng Liên doanh phê duyệt.

2.2. Xác định phụ thu tạm tính đối với sản lượng dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết:

Trên cơ sở sản lượng dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết, giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong kỳ kết dư chi phí tương ứng, VIETSOVPETRO xác định số tiền phụ thu của sản lượng dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết theo nguyên tắc hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 18 Thông tư này.

Trường hợp theo kết quả thanh tra VIETSOVPETRO hàng năm của Ban Thanh tra phát sinh khoản chi phí sử dụng không hết thì VIETSOVPETRO thực

hiện xác định phụ thu phải nộp đối với dầu lãi từ khoản chi phí sử dụng không hết này trên cơ sở giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong kỳ kết dư của năm thực hiện thanh tra tương ứng và theo nguyên tắc hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 18 và Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 19 Thông tư này.

Ví dụ 7: Giả sử trong năm 2011, Hội đồng Liên doanh họp và quyết định chi phí sử dụng không hết của năm 2011 là 50.000.000 USD. Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong kỳ kết dư chi phí là 100 USD/thùng.

$$\text{Sản lượng dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết} = \frac{50.000.000}{100} = 500.000 \text{ thùng}$$

Theo nguyên tắc hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 18 Thông tư này thì:

$$\text{Số phụ thu phải nộp đối với sản lượng dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết} = 50\% \times \left| \text{Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô xuất bán trong kỳ kết dư chi phí} - 1{,}2 \times 75 \right| \times \text{Sản lượng dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết}$$

$$= 50\% \times (100 - 1{,}2 \times 75) \times 500.000 = 2.500.000 \text{ USD}$$

3. Khai, nộp phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ chi phí kết dư:

3.1. Hồ sơ khai phụ thu là Tờ khai phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô theo mẫu số 01-1/PTHU-VSP và Tờ khai phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết theo mẫu số 01-2/PTHU-VSP ban hành kèm theo Thông tư này.

3.2. Thời hạn nộp hồ sơ khai phụ thu tạm tính:

- Chậm nhất là ngày thứ ba mươi (30) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế đối với khoản phụ thu từ chênh lệch giá bán dầu.

- Chậm nhất là ngày thứ ba mươi (30) kể từ ngày Hội đồng Liên doanh quyết nghị khoản chi phí sử dụng không hết theo Văn kiện kỳ họp của Hội đồng Liên doanh.

Trường hợp ngày thứ 30 là ngày nghỉ thì thời hạn nộp hồ sơ khai phụ thu tạm tính là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.

3.3. Thời hạn nộp phụ thu tạm tính: chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai phụ thu tạm tính.

Điều 20. Quyết toán phụ thu khi giá dầu thô biến động tăng

1. Xác định số phụ thu theo quyết toán:

Số phụ thu phải nộp theo quyết toán bằng tổng số phụ thu phải nộp được xác định theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 18 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 19 Thông tư này.

Số phụ thu đối với chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 19 được xác định trên cơ sở toàn bộ số phụ thu phải nộp của từng quý.

2. Khai, nộp phụ thu theo hồ sơ khai quyết toán:

2.1. Hồ sơ khai quyết toán phụ thu gồm:

- Tờ khai quyết toán phụ thu theo mẫu số 02/PTHU-VSP ban hành kèm theo Thông tư này.

- Bảng kê số phụ thu tạm tính đã nộp theo mẫu số 02-1/PTHU-VSP ban hành kèm theo Thông tư này.

2.2. Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán phụ thu:

- Chậm nhất là ngày thứ 90, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

- Chậm nhất là ngày thứ 45, kể từ ngày kết thúc Hiệp định 2010 (trong trường hợp ngày kết thúc Hiệp định khác với ngày kết thúc năm dương lịch).

Trường hợp ngày thứ 90 hoặc ngày thứ 45 là ngày nghỉ thì thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán phụ thu là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.

2.3. Thời hạn nộp phụ thu theo hồ sơ khai quyết toán phụ thu: chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán phụ thu.

Mục 6
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Điều 21. Đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của VIETSOVPETRO từ lô 09-1 là đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác và thu nhập khác ngoài thu nhập từ hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí từ lô 09-1 của VIETSOVPETRO thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Điều 22. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là năm dương lịch. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp đầu tiên được tính từ ngày tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí đầu tiên cho đến ngày kết thúc năm dương lịch đầu tiên. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp cuối cùng được tính từ ngày bắt đầu của năm dương lịch cuối cùng đến ngày kết thúc Hiệp định 2010.

2. Trường hợp kỳ tính thuế năm đầu tiên và kỳ tính thuế năm cuối cùng có thời gian ngắn hơn 03 tháng thì được cộng với kỳ tính thuế năm tiếp theo hoặc kỳ tính thuế năm trước đó để hình thành một kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm đầu tiên hoặc kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm cuối cùng không được vượt quá 15 tháng.

Điều 23. Khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo từng lần xuất bán

1. Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính phải nộp:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính phải nộp theo từng lần xuất bán	=	Thu nhập chịu thuế tạm tính theo từng lần xuất bán (a)	x	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (b)

Trong đó:

(a) Thu nhập chịu thuế tạm tính theo từng lần xuất bán được xác định như sau:

Thu nhập chịu thuế tạm tính theo từng lần xuất bán	=	Doanh thu bán dầu thô theo từng lần xuất bán	-	Chi phí được trừ

- Doanh thu bán dầu thô theo từng lần xuất bán bằng (=) sản lượng dầu thô xuất bán nhân (x) giá bán dầu thô theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng của từng lần xuất bán. Trường hợp dầu thô được bán không theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng thì giá bán dầu thô được xác định như hướng dẫn tại Điều 5, Chương I Thông tư này.

- Chi phí được trừ gồm:

+ Thuế tài nguyên;

+ Thuế xuất khẩu;

+ Thuế đặc biệt;

+ Giá trị sản lượng dầu thô để lại cho VIETSOVPETRO sử dụng cho hoạt động dầu khí lô 09-1 theo tỷ lệ được Hội đồng Liên doanh duyệt hàng năm (tối đa đến 35%) theo quy định tại Điều 9 của Hiệp định 2010, được xác định trên giá bán dầu thô thực tế theo từng lần xuất bán dầu thô;

+ Phụ thu khi giá dầu thô biến động tăng trên 20% so với giá dầu cơ sở.

Các khoản chi nói trên được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư này.

(b) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Hiệp định 2010 là 50%.

2. Khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính:

2.1. Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính là tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo từng lần xuất bán theo mẫu số 01/TNDN-VSP ban hành kèm theo Thông tư này.

2.2. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính:

Chậm nhất là ngày thứ 35 kể từ ngày xuất bán dầu thô. Ngày xuất bán dầu thô là ngày hoàn thành việc xuất dầu thô tại điểm giao nhận (đối với dầu thô bán tại thị trường Việt Nam) hoặc ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (đối với dầu thô xuất khẩu). Trường hợp ngày thứ 35 là ngày nghỉ thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.

2.3. Thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính: chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính.

Điều 24. Khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với thu nhập từ chi phí kết dư của phần dầu để lại

1. Thu nhập từ chi phí kết dư của phần dầu để lại gồm:

1.1. Thu nhập từ chênh lệch giá bán dầu thô là tổng số chênh lệch giữa giá bán thực tế so với giá bán kế hoạch đối với sản lượng dầu để lại cho VIETSOVPETRO sử dụng theo quy định tại Điều 9 của Hiệp định 2010.

1.2. Thu nhập từ chi phí sử dụng không hết là khoản chênh lệch về giá trị sản lượng sản phẩm dầu thô để lại cho VIETSOVPETRO sử dụng theo quy định tại Điều 9 của Hiệp định 2010 trên cơ sở giá bán dầu thô kế hoạch (chi phí kế hoạch) và chi phí thực tế phát sinh trong kỳ kết dư phục vụ hoạt động dầu khí lô 09-1 do Hội đồng Liên doanh quyết nghị tại Văn kiện từng kỳ họp Hội đồng Liên doanh và chi phí sử dụng không hết theo Biên bản thanh tra VIETSOVPETRO hàng năm của Ban Thanh tra.

1.3. Trường hợp trong năm thực hiện, chi phí thực tế phục vụ hoạt động dầu khí lô 09-1 phát sinh lớn hơn chi phí kế hoạch thì VIETSOVPETRO được bù trừ với thu nhập từ chênh lệch giá bán dầu thô của quý trước liền kề cho đến khi bù trừ hết.

2. Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính:

2.1. Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính từ chênh lệch giá bán dầu:

a) Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý:

$$\text{Số thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế bằng (=) tổng thu nhập từ chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý theo hướng dẫn tại Điểm 1.1 và 1.3, Khoản 1, Điều 24 Thông tư này, trừ (-) số phụ thu phải nộp đối với thu nhập từ chênh lệch giá bán dầu thô theo hướng dẫn tại Điểm 1.2.a, Khoản 1, Điều 19 Thông tư này (nếu có).

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Hiệp định 2010 là 50%.

b) Số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính phải nộp đối với chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý bằng (=) số thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý xác định như hướng dẫn tại Điểm 2.1.a, Khoản 2, Điều này nhân (x) 80%.

Do thuế thu nhập doanh nghiệp đối với chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý hướng dẫn trên đây được xác định trên cơ sở tạm tính nên chưa phải là căn cứ để VIETSOVPETRO chia lãi cho các phía tham gia.

2.2. Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính từ chi phí sử dụng không hết:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính phải nộp	=	Thu nhập chịu thuế	x	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế bằng (=) thu nhập từ chi phí sử dụng không hết theo hướng dẫn tại Điểm 1.2, Khoản 1, Điều này, được xác định theo Văn kiện kỳ họp Hội đồng Liên doanh hàng năm trừ (-) số phụ thu phải nộp theo hướng dẫn tại Khoản 2, Điều 19 Thông tư này (nếu có).

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Hiệp định 2010 là 50%.

3. Khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với thu nhập từ chi phí kết dư của phần dầu để lại:

3.1. Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính là Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với thu nhập từ chênh lệch giá bán dầu thô theo mẫu số 01-1/TNDN-VSP và Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với thu nhập từ chi phí sử dụng không hết theo mẫu số 01-2/TNDN-VSP ban hành kèm theo Thông tư này.

3.2. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính:

- Chậm nhất là ngày thứ ba mươi (30) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế đối với khoản thu nhập từ chênh lệch giá bán dầu.

- Chậm nhất là ngày thứ ba mươi (30) kể từ ngày Hội đồng Liên doanh quyết nghị khoản chi phí sử dụng không hết theo Văn kiện kỳ họp của Hội đồng Liên doanh.

Trường hợp ngày thứ 30 là ngày nghỉ thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.

3.3. Thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính: chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính.

Điều 25. Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bằng tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 23 và Khoản 2, Điều 24 Thông tư này.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp đối với chênh lệch giá bán dầu thô hàng quý hướng dẫn tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 24 Thông tư này được xác định trên cơ sở toàn bộ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của từng quý.

2. Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp là Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 02/TNDN-VSP ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Chậm nhất là ngày thứ 90, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

- Chậm nhất là ngày thứ 45, kể từ ngày kết thúc Hiệp định 2010 (trong trường hợp ngày kết thúc Hiệp định khác với ngày kết thúc năm dương lịch).

Trường hợp ngày thứ 90 hoặc ngày thứ 45 là ngày nghỉ thì thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.

4. Thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp: chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Mục 7
CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ KHÁC

Điều 26. Các loại thuế, phí và lệ phí khác

Trong quá trình tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí từ lô 09-1, VIETSOVPETRO thực hiện nộp các loại thuế, phí, lệ phí khác không hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này theo các quy định tại các văn bản pháp luật về thuế, phí, lệ phí hiện hành.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2012. Riêng phụ thu khi giá dầu thô biến động tăng đối với dầu lãi và thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí từ lô 09-1 xuất bán trong năm 2011, VIETSOVPETRO đã khai, nộp thuế khác với hướng dẫn tại Thông tư này thì khai điều chỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư này khi quyết toán thuế năm 2011.

2. Các nội dung không hướng dẫn tại Thông tư này và các nội dung không trái với hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/TAIN-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 155/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU THÔ

[01] Kỳ tính thuế: ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần xuất bán thứ: …

[03] Khai lần đầu [ ] [04] Khai bổ sung lần thứ: ……...

[05] Xuất khẩu: [ ] [06] Xuất bán tại Việt Nam: [ ]

[07] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:……....

[08] Tên người nộp thuế:

[09] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[10] Địa chỉ: [11] Quận/huyện: [12] Tỉnh/Thành phố:

[13] Điện thoại: [14] Fax: [15] E-mail:

[16] Hợp đồng dầu khí lô:

[17] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[18] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[19] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[20] Địa chỉ: [21] Quận/huyện: [22] Tỉnh/Thành phố:

[23] Điện thoại: [24] Fax: [25] E-mail:

[26] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
1	Sản lượng dầu thô xuất bán	[27]	Thùng	
1.1	*Tỷ lệ quy đổi từ thùng ra tấn*	*[27a]*		
1.2	*Sản lượng dầu thô xuất bán theo tấn [27b] = [27]x[27a]*	*[27b]*	Tấn	
2	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	[28]	USD/thùng	
3	Doanh thu [29]=[27]x[28]	[29]	USD	
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên	[30]	%	
5	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp [31]=[29]x[30]	[31]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

.....,ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: *ngày, tháng, năm tại chỉ tiêu số [01] là ngày hoàn thành việc xuất dầu thô tại điểm giao nhận (đối với dầu thô bán tại Việt Nam); hoặc ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (đối với dầu thô xuất khẩu).*

Mẫu số: 02/TAIN-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số:155 /2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU THÔ

[01] Kỳ tính thuế năm:……

[02] Khai lần đầu [ ] [03] Khai bổ sung lần thứ: ……..

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: | | | | | | | | | | |

[14] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[15] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[16] Địa chỉ: [17] Quận/huyện: [18] Tỉnh/Thành phố:

[19] Điện thoại: [20] Fax: [21] E-mail:

[22] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
1	Sản lượng dầu thô chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [23]=[23a]+[23b]	[23]	Thùng	
1.1	*Sản lượng dầu thô xuất khẩu*	*[23a]*	*Thùng*	
1.2	*Sản lượng dầu thô xuất bán tại Việt Nam*	*[23b]*	*Thùng*	
2	Doanh thu	[24]	USD	
3	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [25]=[24]/[23]	[25]	USD/thùng	
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên	[26]	%	
5	Thuế tài nguyên bằng dầu thô phải nộp trong kỳ tính thuế [27]=[23]x[26]	[27]	Thùng	
6	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [28]=[25]x[27]	[28]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

.....,ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 02-1/TAIN-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 155/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU THÔ
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên)
[01] Kỳ tính thuế năm:……

[02] Tên người nộp thuế:
[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[04] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:
[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Stt	Khai thác dầu thô		Xuất bán dầu thô				Ghi chú
	Ngày tháng	Số lượng (thùng)	Ngày tháng	Số lượng (thùng)	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	Doanh thu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)	(8)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
	Tổng cộng						

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

.....,ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 01/ĐB-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số:155 /2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐẶC BIỆT

[01] Kỳ tính thuế: ngày.....tháng.....năm.....
[02] Lần xuất bán thứ: …
[03] Khai lần đầu [ ] [04] Khai bổ sung lần thứ: ……..
[05] Xuất bán tại Việt Nam: [ ] [06] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:...

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[09] Địa chỉ: [10] Quận/huyện: [11] Tỉnh/Thành phố:

[12] Điện thoại: [13] Fax: [14] E-mail:

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: | | | | | | | | | | |

[17] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[18] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[19] Địa chỉ: [20] Quận/huyện: [21] Tỉnh/Thành phố:

[22] Điện thoại: [23] Fax: [24] E-mail:

[25] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu thô xuất bán tại Việt Nam	[26]	Thùng	
2	Giá tính thuế đặc biệt	[27]	USD/thùng	
3	Doanh thu [28]=[26]x[27]	[28]	USD	
4	Tỷ lệ thuế đặc biệt	[29]	%	
5	Số thuế đặc biệt phải nộp [30]=[28]x[29]	[30]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

.....,ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: *ngày, tháng, năm tại chỉ tiêu số [01] là ngày hoàn thành việc xuất dầu thô tại điểm giao nhận (đối với dầu thô bán tại Việt Nam).*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/PTHU-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 155/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI PHỤ THU TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU LÃI THEO TỪNG LẦN XUẤT BÁN

[01] Kỳ tính thuế: ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần xuất bán thứ: …

[03] Khai lần đầu [ ] [04] Khai bổ sung lần thứ: ……...

[05] Xuất khẩu: [ ] [06] Xuất bán tại Việt Nam: [ ]

[07] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:……....

[08] Tên người nộp thuế:

[09] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[10] Địa chỉ: [11] Quận/huyện: [12] Tỉnh/Thành phố:

[13] Điện thoại: [14] Fax: [15] E-mail:

[16] Hợp đồng dầu khí lô:

[17] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[18] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[19] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[20] Địa chỉ: [21] Quận/huyện: [22] Tỉnh/Thành phố:

[23] Điện thoại: [24] Fax: [25] E-mail:

[26] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu thô xuất bán	[27]	thùng	
2	Tỷ lệ dầu để lại theo kế hoạch	[28]	%	
3	Sản lượng dầu lãi tạm tính	[29]	thùng	
4	Giá dầu thô cơ sở	[30]	USD/thùng	
5	Giá bán dầu thô	[31]	USD/thùng	
6	Số phụ thu tạm tính phải nộp [32]=[33] hoặc [34]	[32]	USD	
6.1	Trường hợp {1,2x[30]} < [31] ≤ {1,5x[30]}: [33] = 50%x{[31]–1,2x[30]}x[29]	[33]	USD	
6.2	Trường hợp [31] >{1,5x[30]}: [34]=[35] + [36]	[34]	USD	
a	- Phụ thu theo mức 50% [35] = 50%x{1,5x[30]–1,2x[30]}x[29]	[35]	USD	
b	- Phụ thu theo mức 60% [36] = 60%x{[31]–1,5x[30]}x[29]	[36]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: *ngày, tháng, năm ở chỉ tiêu số [01] là ngày hoàn thành việc xuất dầu thô tại điểm giao nhận (đối với dầu thô bán tại Việt Nam); hoặc ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (đối với dầu thô xuất khẩu).*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01-1/PTHU-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 155 /2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI PHỤ THU TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU LÃI TỪ CHÊNH LỆCH GIÁ BÁN DẦU THÔ

[01] Kỳ tính thuế: Quý .....năm.....

[02] Khai lần đầu [ ] [03] Khai bổ sung lần thứ: ……..

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[14] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[15] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[16] Địa chỉ: [17] Quận/huyện: [18] Tỉnh/Thành phố:

[19] Điện thoại: [20] Fax: [21] E-mail:

[22] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền chênh lệch giá bán dầu thô trong quý	[23]	Thùng	
2	Giá bình quân gia quyền của quý	[24]	%	
3	Sản lượng dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô. [25] = [23]/[24]	[25]	Thùng	
4	Giá dầu thô cơ sở	[26]	USD/thùng	
5	Số phụ thu đối với dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô [27]=[28] hoặc [29]	[27]	USD	
5.1	Trường hợp {1,2x[26]} < [24] ≤ {1,5x[26]}: [28] = 50%x{[24]–1,2x[26]}x[25]	[28]	USD	
5.2	Trường hợp [24] > {1,5x[26]}: [29]=[30] + [31]	[29]	USD	
a	- Phụ thu theo mức 50% [30] = 50%x{1,5x[26]–1,2x[26]}x[25]	[30]	USD	
b	- Phụ thu theo mức 60% [31] = 60%x{[24]–1,5x[26]}x[25]	[31]	USD	
6	Số phụ thu tạm tính phải nộp [32]=[27]x80%	[32]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01-2/PTHU-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 155 /2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI PHỤ THU TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU LÃI TỪ CHI PHÍ SỬ DỤNG KHÔNG HẾT

[01] Kỳ tính thuế: ngày ..... tháng ..... năm

[02] Kỳ kết dư: từ ngày..... tháng..... năm ..... đến ngày..... tháng..... năm .....

[03] Khai lần đầu [ ] [04] Khai bổ sung lần thứ: ……...

[05] Tên người nộp thuế:

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Địa chỉ: [08] Quận/huyện: [09] Tỉnh/Thành phố:

[10] Điện thoại: [11] Fax: [12] E-mail:

[13] Hợp đồng dầu khí lô:

[14] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[15] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[16] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[17] Địa chỉ: [18] Quận/huyện: [19] Tỉnh/Thành phố:

[20] Điện thoại: [21] Fax: [22] E-mail:

[23] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền chi phí sử dụng không hết.	[24]	Thùng	
2	Giá bình quân gia quyền của kỳ kết dư	[25]	%	
3	Sản lượng dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết [26] = [24]/[25]	[26]	Thùng	
4	Giá dầu thô cơ sở	[27]	USD/thùng	
5	Số phụ thu tạm tính phải nộp [28]=[29] hoặc [30]	[28]	USD	
5.1	Trường hợp {1,2x[27]} < [25] ≤ {1,5x[27]}: [29] = 50%x{[25]–1,2x[27]}x[26]	[29]	USD	
5.2	Trường hợp [25] > {1,5x[27]}: [30]=[31] + [32]	[30]	USD	
a	- Phụ thu theo mức 50% [31] = 50%x{1,5x[27]–1,2x[27]}x[26]	[31]	USD	
b	- Phụ thu theo mức 60% [32] = 60%x{[25]–1,5x[27]}x[26]	[32]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: *- Chỉ tiêu số [01]- Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm Hội đồng Liên doanh ra quyết nghị khoản chi phí sử dụng không hết tại Văn kiện kỳ họp Hội đồng Liên doanh.*

- Chỉ tiêu số [02]- Kỳ kết dư là khoảng thời gian Vietsovpetro xác định khoản chi phí sử dụng không hết để báo cáo Hội đồng Liên doanh phê duyệt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/PTHU-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 155/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU

[01] Kỳ tính thuế năm:……

[02] Khai lần đầu [ ] [03] Khai bổ sung lần thứ:……..

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: [ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ] [ ][ ][ ]

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: [ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ]

[14] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[15] Mã số thuế: [ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ] [ ][ ][ ]

[16] Địa chỉ: [17] Quận/huyện: [18] Tỉnh/Thành phố:

[19] Điện thoại: [20] Fax: [21] E-mail:

[22] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán.	[23]	USD	
2	Tổng số phụ thu đối với dầu lãi từ chi phí kết dư của phần dầu để lại [24] = [24a]+[24b]	[24]	USD	
2.1	Số phụ thu đối với dầu lãi từ chênh lệch giá bán dầu thô	[24a]	USD	
2.2	Số phụ thu đối với dầu lãi từ chi phí sử dụng không hết	[24b]	USD	
3	Tổng số phụ thu phải nộp [25] = [23]+[24]	[25]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02-1/PTHU-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 155 /2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ SỐ PHỤ THU TẠM TÍNH ĐÃ NỘP
(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu)
[01] Kỳ tính thuế năm:……..

[02] Tên người nộp thuế:
[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:
[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Stt	Số lần xuất bán thứ	Ngày xuất bán	Ngày/tháng tờ khai phụ thu tạm tính	Số phụ thu tạm tính đã nộp		Ghi chú
				USD	VNĐ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. Đối với Phụ thu tạm tính theo từng lần xuất bán.						
1						
2						
3						
II. Phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ chi phí kết dư						
1						
2						
Tổng cộng						

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: *Số phụ thu tạm tính đã nộp ghi đồng tiền thực nộp vào NSNN.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/TNDN-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số:155/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH THEO TỪNG LẦN XUẤT BÁN

[01] Kỳ tính thuế: ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần xuất bán thứ: …

[03] Khai lần đầu [ ] [04] Khai bổ sung lần thứ: ……..

[05] Xuất khẩu: [ ] [06] Xuất bán tại Việt Nam: [ ]

[07] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:……....

[08] Tên người nộp thuế:

[09] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[10] Địa chỉ: [11] Quận/huyện: [12] Tỉnh/Thành phố:

[13] Điện thoại: [14] Fax: [15] E-mail:

[16] Hợp đồng dầu khí lô:

[17] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[18] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[19] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[20] Địa chỉ: [21] Quận/huyện: [22] Tỉnh/Thành phố:

[23] Điện thoại: [24] Fax: [25] E-mail:

[26] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
1	Sản lượng dầu thô xuất bán	[27]	Thùng	
2	Giá bán dầu thô	[28]	USD/thùng	
3	Doanh thu [29]=[27]x[28]	[29]	USD	
4	Chi phí được trừ: [30]=[30a]+[30b]+ [30c]+ [30d]+[30e]	[30]	USD	
4.1	*- Thuế tài nguyên:*	*[30a]*		
4.2	*- Thuế xuất khẩu:*	*[30b]*		
4.3	*- Thuế đặc biệt:*	*[30c]*		
4.4	*- Giá trị sản lượng dầu để lại:*	*[30d]*		
4.5	*- Phụ thu khi giá dầu thô biến động tăng:*	*[30e]*		
5	Thu nhập chịu thuế tạm tính [31]=[29]-[30]	[31]	USD	
6	Thuế suất thuế TNDN	[32]	%	
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [33]=[31]x[32]	[33]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: *ngày, tháng, năm ở chỉ tiêu số [01] là ngày hoàn thành việc xuất dầu thô tại điểm giao nhận (đối với dầu thô bán tại Việt Nam); hoặc ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (đối với dầu thô xuất khẩu).*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01-1/TNDN-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 155/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH

(Áp dụng đối với thu nhập từ chênh lệch giá bán dầu thô)

[01] Kỳ tính thuế: Quý ..... năm .....

[02] Khai lần đầu [ ] [03] Khai bổ sung lần thứ: ……...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[14] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[15] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[16] Địa chỉ: [17] Quận/huyện: [18] Tỉnh/Thành phố:

[19] Điện thoại: [20] Fax: [21] E-mail:

[22] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Đơn vị tính: USD

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thu nhập chịu thuế	[23]	
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[24]	
3	Số thuế TNDN từ chênh lệch giá dầu [25]=[23]x[24]	[25]	
4	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [26]=[25]x80%	[26]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01-2/TNDN-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 155/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH

(Áp dụng đối với thu nhập từ chi phí sử dụng không hết)

[01] Kỳ tính thuế: ngày ..... tháng ..... năm

[02] Kỳ kết dư: từ ngày..... tháng..... năm ..... đến ngày..... tháng..... năm .....

[03] Khai lần đầu [ ] [04] Khai bổ sung lần thứ: ……..

[05] Tên người nộp thuế:

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Địa chỉ: [08] Quận/huyện: [09] Tỉnh/Thành phố:

[10] Điện thoại: [11] Fax: [12] E-mail:

[13] Hợp đồng dầu khí lô:

[14] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[15] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[16] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[17] Địa chỉ: [18] Quận/huyện: [19] Tỉnh/Thành phố:

[20] Điện thoại: [21] Fax: [22] E-mail:

[23] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Đơn vị tính: USD

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Giá trị
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**
1	Thu nhập chịu thuế.	[24]	
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[25]	
3	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [26]=[24]x[25]	[26]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: *- Chỉ tiêu số [01]- Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm Hội đồng Liên doanh ra quyết nghị khoản chi phí sử dụng không hết tại Văn kiện kỳ họp Hội đồng Liên doanh.*

- Chỉ tiêu số [02]- Kỳ kết dư là khoảng thời gian Vietsovpetro xác định khoản chi phí sử dụng không hết để báo cáo Hội đồng Liên doanh phê duyệt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/TNDN-VSP
(Ban hành kèm theo Thông tư số:155/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

[01] Kỳ tính thuế năm:…..

[02] Khai lần đầu [ ] [03] Khai bổ sung lần thứ:……..

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí: | | | | | | | | | | |

[14] Tên Người nộp thuế thay [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[15] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[16] Địa chỉ: [17] Quận/huyện: [18] Tỉnh/Thành phố:

[19] Điện thoại: [20] Fax: [21] E-mail:

[22] Hợp đồng hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày:

Đơn vị tính: USD

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
I	**Thuế TNDN theo từng lần xuất bán dầu thô**		
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN theo từng lần xuất bán dầu thô trong kỳ tính thuế.	[23]	
2	Tổng chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.	[24]	
3	Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế [25]=[23]-[24].	[25]	
4	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[26]	
5	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động khai thác dầu thô[27]=[25]x[26]	[27]	
II	**Thuế TNDN đối với thu nhập từ chi phí kết dư của phần dầu để lại**		
1	Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế: [28] = [29]+[30]	[28]	
1.1	Thu nhập chịu thuế từ chênh lệch giá bán dầu thô của phần dầu để lại.	[29]	
1.2	Thu nhập chịu thuế từ chi phí sử dụng không hết.	[30]	
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[31]	
3	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chi phí kết dư của phần dầu để lại [32]=[28]x[31]	[32]	
III	**Thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế [33]=[27]+[32]**	[33]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:……
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)